

Dấu ấn mỹ thuật các vương triều qua hệ thống di vật lưu giữ tại di tích chùa Đậu

Nguyễn Doãn Minh*

Nhận ngày 10 tháng 5 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 9 năm 2025.

Tóm tắt: Chùa Đậu (Pháp Vũ tự) ở Thường Tín, Hà Nội đã được xếp hạng di tích Kiến trúc Nghệ thuật cấp Quốc gia từ năm 1964. Đến năm 2016, hai pho tượng là nhục thân của thiền sư Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường lưu thờ tại chùa đã được công nhận là bảo vật quốc gia. Tại đây còn lưu giữ một hệ thống di vật giá trị có niên đại tuyệt đối góp phần phản ánh về lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển của ngôi chùa, cũng như những giá trị văn hóa, mỹ thuật của nhiều triều đại. Bài viết là sự kế thừa những kết quả đã được công bố trước, đồng thời tích hợp các phương pháp khảo sát thực địa, phân tích hình ảnh... Thông qua việc so sánh với di vật đồng đại từ những di tích liên quan, nghiên cứu hướng tới việc phác họa những đặc điểm mỹ thuật cơ bản của chùa Đậu. Qua đó, bài viết góp phần bổ sung vào việc nhận thức và đánh giá toàn diện hơn về các giá trị nghệ thuật của di tích này.

Từ khóa: Chùa Đậu, Pháp Vũ tự, Thành Đạo tự, Trường Thọ am, Pháp Vũ điện.

Phân loại ngành: Khảo cổ học

Abstract: Đậu pagoda (Pháp Vũ tự), situated in Thường Tín district, Hanoi, was designated as a National Architectural and Artistic Relic in 1964. In 2016, two statues which were the preserved corporeal remains (*nhục thân*) of Zen masters Vũ Khắc Minh and Vũ Khắc Trường, currently enshrined at the pagoda were recognised as national treasures. The pagoda also preserves a valuable system of artefacts with absolute dating, which collectively contributes to the elucidation of the pagoda's history, including its formation, existence, and development, as well as the cultural and artistic values of successive dynasties. The article integrates previously published research findings with methodologies such as field surveys, visual analysis, etc. By comparative analysis with contemporaneous artefacts from related sites, the research aims to delineate the fundamental aesthetic characteristics of Đậu pagoda. Consequently, the study contributes to a more comprehensive understanding and assessment of the artistic values inherent in this relic.

Keywords: Đậu pagoda, Pháp Vũ tự, Thành Đạo tự, Trường Thọ am, Pháp Vũ điện.

Subject classification: Archaeology

1. Mở đầu

Chùa Đậu có tên chữ là Pháp Vũ tự, tên của Đức thánh Pháp Vũ thờ trong chùa. Tên gọi này xuất hiện trên văn bia sớm nhất lưu giữ tại chùa vào thời Mạc, niên hiệu Sùng Khang năm thứ 4 (1569). Ngôi chùa còn được gọi tên là Thành Đạo tự hàm nghĩa nơi tu tập được đắc đạo. Với nghĩa nôm thì chữ Đậu (杜) còn có âm là đỗ trong nghĩa đỗ đạt, thành đạt, phải chăng hàm nghĩa nghĩa đó mà ngôi chùa được gọi với tên nôm trên? Bốn chữ Hán “Pháp Vũ điện chung” khắc trên quả chuông có niên đại thời Tây Sơn (1801) cho thấy vai trò và chức năng ngôi chùa có lẽ bị thu hẹp như một điện thờ? Ngôi chùa tọa lạc trên một cuộc đất cạnh làng mà theo nội dung cuốn sách đồng cổ ghi đó là “thế đất quần sơn dáng phục, chúng thủy oanh hoàn (nhiều núi châu phục, muôn dòng lượn quanh)” (Đình Khắc Thuần, 1981).

* Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: doanminh1877@gmail.com

Từ khi khởi dựng cho đến nay, ngôi chùa đã trải qua những biến đổi thăng trầm, khoác lên mình lớp áo mang màu thời gian của nhiều triều đại. Theo truyền thuyết khắc lại trên cuốn sách đồng còn lưu giữ được, thì ngôi chùa có từ thời Sỹ Nhiếp (Sỹ vương) đến nay cũng đã gần 18-19 thế kỷ. Nội dung tấm bia tu tạo Pháp Vũ dựng năm Dương Hòa thứ 5 (1639) cho biết ngôi chùa được xây từ thời Lý (Pháp Vũ tự cổ dã, sáng tự Lý triều...). Tuy vậy, dấu tích vật chất thời này đến nay không còn. Căn cứ vào những bằng chứng vật chất hiện đang lưu giữ được, thì dưới thời Trần (thế kỷ XIII-XIV) ngôi chùa Pháp Vũ đã hiện diện. Ngôi chùa được tu bổ, tôn tạo dưới các thời Mạc (thế kỷ XVI), thời Lê Trung hưng (thế kỷ XVII-XVIII), thời Nguyễn (thế kỷ XIX-XX) và dưới thời đại Hồ Chí Minh vào khoảng thời gian một vài thập kỷ gần đây.

Cho đến nay, đã có một số nghiên cứu, tìm hiểu về chùa Đậu dưới nhiều giác độ lịch sử, văn hóa, kiến trúc, tôn giáo. Tập hồ sơ chùa Đậu (bản sao lại năm 1997) bao gồm bản sao *Lý lịch di tích* đã đề cập một cách cơ bản nhất về ngôi chùa bao gồm: tên gọi, vị trí, sự kiện nhân vật được thờ, mô tả mặt bằng cùng kết cấu kiến trúc, thống kê các di vật; nguồn tư liệu Hán Nôm tại chùa gồm: bia ký, chuông, khánh, hoành, biển, câu đối... đã được tác giả Đinh Khắc Thuân dịch chú, cung cấp những nội dung giá trị phản ánh về lịch sử cùng đời sống văn hóa, xã hội trong nhiều thế kỷ gắn liền với ngôi chùa. Chùa Đậu - một di sản văn hóa quý giá của dân tộc, được tác giả Nguyễn Ngọc Chắt đề cập một cách khái quát về những di vật cùng những đánh giá về giá trị của ngôi chùa. Cuốn *Chùa Việt Nam* (2008) của nhóm tác giả Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Phạm Ngọc Long, từ trang 214-217 đã đề cập đến các thông tin mang tính khái quát về chùa Đậu, gồm tên gọi, vị trí, một số di vật tiêu biểu của chùa. Về nhục thân hai vị thiền sư Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường, nhà khoa học Nguyễn Lân Cường là người trực tiếp phục chế, bảo quản hai bức tượng nên ông là người hiểu rõ hơn ai hết về những vấn đề khoa học liên quan đến nhục thân hai vị thiền sư. *Hai thiền sư chùa Đậu: Đạo Chân và Đạo Tâm* (2024), bài nghiên cứu trong Tạp chí *Phật học* (2024) của tác giả Nguyễn Thúy Anh đã đề cập đến thân thể cùng những câu chuyện liên quan đến hai thiền sư Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường, đến những khám phá thú vị và ly kỳ về xá lợi toàn thân cùng ý nghĩa của hiện tượng trên... Tuy nhiên, dường như chưa có một công trình nào đề cập một cách hệ thống về di vật cũng như riêng về góc độ mỹ thuật của ngôi chùa. Trên cơ sở nhận thức đó, bài viết là sự kế thừa những kết quả đã được các tác giả công bố, kết hợp với phương pháp khảo sát thực địa, phân tích hình ảnh, tư liệu lịch sử so sánh với những nguồn tư liệu hình ảnh di vật đồng đại của các di tích khác nhằm phác họa những nét cơ bản nhất về mỹ thuật, góp phần bổ sung những đánh giá về giá trị mỹ thuật mà ngôi chùa Đậu hàm chứa.

2. Cấu trúc mặt bằng, chạm khắc trang trí kiến trúc chùa Đậu qua các thời

Chùa Đậu có lịch sử hình thành từ lâu đời. Tương truyền, được xây dựng từ thời Sỹ Vương khi ông cai trị Giao Châu khoảng thế kỷ II - III, gắn liền với giai đoạn đầu Phật giáo du nhập vào nước ta cùng truyền thuyết ly kỳ về tục thờ Tứ pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện). Tuy vậy, cho đến nay, những bằng chứng vật chất lưu dấu tại chùa Đậu có thể khẳng định, muộn nhất vào thế kỷ XIII - XIV, thời Trần ngôi chùa đã xuất hiện và tồn tại. Vào những giai đoạn tiếp, thời Mạc thế kỷ XVI, thời Lê Trung hưng thế kỷ XVII - XVIII và thời Nguyễn thế kỷ XIX-XX cho đến ngày nay, ngôi chùa liên tục được duy trì và bổ sung thêm các hạng mục kiến trúc và các tượng thờ, phản ánh đời sống vật chất và tinh thần của người dân qua từng giai đoạn.

2.1. Thời Trần (thế kỷ XIII - XIV)

+ Cấu trúc mặt bằng

Đôi tượng rồng thành bậc bằng đá lồi lên tiền đường, tạo hình đầu có mào, thân mập, nhịp đoãng... có sự tương đồng với những đôi rồng thành bậc của chùa Phổ Minh (Nam Định) (Hình 1: 2). Từ đó cho phép liên tưởng đến bố cục mặt bằng ngôi chùa Phổ Minh hiện nay. Cấu trúc chùa Đậu dưới thời Trần rất có thể bao gồm: Tam quan (Hình 1: 1), tháp, tiền đường và thượng điện. Một số ngôi chùa còn dấu ấn thời Trần như: chùa Bối Khê, chùa Thái Lạc, chùa Phổ Minh... Và, cấu trúc bộ vì đỡ mái của ngôi chùa Đậu khi đó có dạng vì *chồng rường giá chiêng*, với ván lá đề, cột trốn, con rường được chạm khắc những đề tài liên quan đến Phật giáo vô cùng đẹp và sinh động. Ví như đề tài tiên nữ dâng lễ phẩm (tiên nữ hình đầu người mình chim - kinnari/kinnara dâng quả phẩm) chạm trên ván lá đề, ván gió cùng các đề tài khác như rồng, phượng dâng lễ vật, nhạc công chơi đàn ở chùa Thái Lạc (Văn Lâm, Hưng Yên)... (Hình 1: 3).

Hình 1. Một số hình ảnh về mặt bằng và di vật tại chùa Đậu



1. Tam quan chùa Đậu

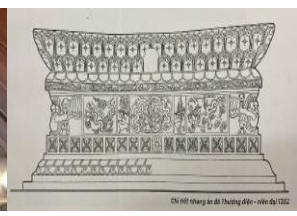


2. Đôi rồng thành bậc trước Tiền đường chùa Đậu.

Nguồn: Tác giả



3. Cấu trúc bộ vì chùa Thái Lạc, Hưng Yên.



4. Nhang án bằng đá chùa Bối Khê. Niên đại 1382.

Nguồn: Viện Bảo tồn di tích

+ Chạm khắc trang trí

Bên cạnh đôi tượng rồng thành bậc trên, tại thượng điện chùa Đậu còn dấu vết một bệ thờ bằng đá bị sơn phủ mòn mờ không còn rõ đường nét. Có thể đây là một bệ đá có hình dáng tương đồng với bệ đá bài trí trong Thượng điện chùa Bối Khê (Hà Nội, niên đại 1382) (Hình 1: 4)? Giả thuyết này cho thấy, dưới thời Trần tồn tại những bệ đá thờ có kích thước lớn có quy chuẩn đặt trong không gian thượng điện. Và không gian đặt tượng/ tranh tượng Phật thờ chính của ngôi chùa Đậu dưới thời Trần cơ bản giới hạn trong phạm vi của thượng điện?

2.2. Thời Mạc (thế kỷ XVI)

+ Cấu trúc mặt bằng

Tấm bia Pháp Vũ tự (bia chùa Pháp Vũ) có niên đại năm 1569, ghi chép về ruộng của chùa, cho phép suy đoán phần nào về quy mô của ngôi chùa vào giai đoạn này khá bề thế (Hình 2:1).

Dưới thời Mạc, Phật giáo nói riêng và các tín ngưỡng dân gian có sự phục hưng mạnh mẽ sau một thời gian dài bị triều đình Lê sơ vốn trọng Nho giáo hạn chế. Nhiều ngôi đình và chùa làng có niên đại tuyệt đối được xây dựng và phát triển. Những di vật còn lưu giữ tại chùa phản ánh khá đậm nét dấu ấn kiến trúc và mỹ thuật thời Mạc. Bố cục mặt bằng, cấu trúc bộ vì ngôi chùa thời Mạc cơ bản là sự kế thừa từ mặt bằng cũng như những bộ vì

thời Trần, đó là kiểu “chồng rường, giá chiêng”. Tuy nhiên, tạo hình của những ván lá đề, cột trốn, cũng như những đề tài được chạm khắc trên những ngôi chùa thời Mạc có phần phong phú sinh động mang nhiều yếu tố dân gian hơn, như: chùa Bối Khê, chùa Hương Trai (Hà Nội).

Cũng dưới thời này, đình làng bắt đầu xuất hiện. Kết cấu các bộ vì của những ngôi đình có phần thống nhất với những chùa đó là những bộ vì “chồng rường, giá chiêng”. Những bộ vì ở đình Tây Đằng, đình Thụy Phiêu... là những ví dụ để tham chiếu. Thậm chí khi so sánh cấu trúc bộ vì cùng những đề tài và kỹ thuật chạm khắc giữa đình Tây Đằng và chùa Hương Trai dường như có mối liên hệ gần gũi giữa hai di tích này. Từ đó, cho phép đoán định dạng thức các bộ vì của ngôi chùa Đậu dưới thời Mạc mang tính thời đại, tương đồng với bộ vì của những ngôi chùa đã dẫn dụ ở trên.

+ *Chạm khắc, trang trí*

Tượng thờ, với những quan niệm về tam giáo, tượng thờ của ngôi chùa giai đoạn này thường mới chỉ tập trung trên khu tam bảo, thậm chí chỉ bài trí trên không gian thượng điện và thiêu hương. Bởi, có giả thuyết cho rằng Phật điện thời này cơ bản gồm: “tượng Tam thế Phật; Quan Âm Bồ Tát, cũng có thể là tượng Thích Ca niê hoa; tượng Thích Ca sơ sinh (?) hoặc tượng Ngọc Hoàng (?)” (Trần Lâm Biền, 2020). Những bộ tượng cùng dãy hành lang hai bên cũng như kiến trúc am Trường Thọ chắc hẳn là sự bổ sung vào giai đoạn từ thế kỷ XVII trở về sau?

Các đề tài chạm khắc trang trí.

Hình phù điêu linh vật rồng, phượng, ngựa có cánh... in trên những viên gạch xây mang đậm dấu ấn mỹ thuật của thời Mạc. Nhiều người cho rằng những con rồng có lưng võng tạo hình “yên ngựa” là đặc trưng của hình rồng thời Mạc, điều này đúng, nhưng sẽ đúng hơn khi nhận định: những hình rồng có lưng võng hình yên ngựa là sự kế thừa tạo hình từ những hình rồng từ thời Lê sơ (thế kỷ XV). Những di vật gốm, đất nung, phát hiện tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long, đang được lưu giữ và trưng bày tại trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa Thăng Long - Hà Nội là những minh chứng đắt giá để tham chiếu. Trong một chừng mực nhất định, tạo hình rồng giữa hai thời có thể nhận diện một cách tương đối về sự khác nhau đó là: nếu những hình rồng thời Lê sơ luôn có tạo hình mang tính khuôn thước, sắc nét, khỏe mạnh, dẻo, có phần dữ tợn, thì những hình rồng thời Mạc với những đường nét, thanh, thô, mang đến cảm nhận gần gũi và bình dị hơn. Thêm nữa hình rồng thời Mạc, còn cho thấy bóng dáng của hình rồng thời Trần, khi so sánh tượng rồng thời Mạc trước tam quan chùa Nhân Trai (Hải Phòng) với những hình rồng có niên đại thời Trần (Nguyễn Doãn Minh, 2022: 89-99).

Có thể khẳng định chắc chắn rằng, những hình rồng có lưng võng hình yên ngựa, phượng và ngựa có cánh in trên gạch được sử dụng phổ biến trong những ngôi chùa thời Mạc như chùa Bối Khê, chùa Hương Trai, chùa Sồ, chùa Thái Lạc... (Hình 2: 3).

Bên cạnh đó, tạo hình bia cùng hoa văn những nét khắc nông, nhỏ trên tám bia có niên hiệu Sùng Khang tứ niên (1569) là một trong nhiều đặc điểm, có thể nói là làm nên đặc trưng của những tám bia có niên đại dưới thời Mạc. Trong nhiều trường hợp có thể đoán định về niên đại của những tám bia thời Mạc, mang những đặc điểm trên, khi chưa đọc niên đại hoặc nội dung văn bia (Hình 2: 1).

Hình 2. Một số di vật và bản vẽ cấu trúc bộ vì thời Mạc



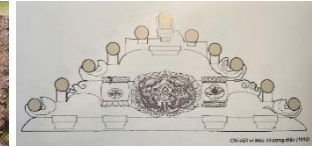
1. Bia đá niên đại năm 1569



2. Gạch phục chế theo gạch thời Mạc thế kỷ XVI (chùa Đậu)



3. Gạch thời Mạc, thế kỷ XVI (chùa Sở)



4. Bản vẽ cấu trúc cùng hoa văn trang trí bộ vì chùa Bối Khê.

Nguồn: Tác giả

Nguồn: Trần Lâm Biền, 2020

Nguồn: Viện Bảo tồn di tích

2.3. Thời Lê Trung hưng (thế kỷ XVII-XVIII)

Thời này, còn lưu giữ được nhiều di vật có niên đại tuyệt đối như bia, biển gỗ, đi cùng với chúng là những đồ án hoa văn với đường nét được chạm trổ phong phú và sinh động.

+ *Cấu trúc mặt bằng:*

Hiện nay, kết cấu bộ vì đỡ mái tiền đường theo kiểu “chồng rường, giá chiêng”, còn tồn cùng dấu vuông mang dấu ấn chạm khắc niên đại thế kỷ XVII - XVIII. Dạng thức đã phổ biến ở những giai đoạn trước. Kết hợp với những di vật khác lưu giữ tại chùa, cho thấy cấu trúc và bố cục mặt bằng ngôi chùa Đậu dưới thời Lê Trung hưng là sự kế thừa của các thời trước đó, gần nhất là vào thời Mạc thế kỷ XVI. Chắc hẳn vào giữa thế kỷ XVII trở về sau, ngôi chùa có thêm hệ thống tượng thờ ở những dãy hành lang cũng như ở am Trường Thọ. Từ đó, suy đoán ngược lại những kiến trúc hành lang cũng cùng kiến trúc am Trường Thọ được xây dựng và bổ sung vào thế kỷ XVII - XVIII. Thêm nữa, công tam quan (03 lối vào chùa: không quan, giả quan và trung quan) có cấu trúc *thượng các hạ quan/ thượng lầu hạ môn* hai tầng tám mái, của chùa Đậu chưa rõ xuất hiện từ khi nào, nhưng dựa vào đặc trưng chạm khắc còn lưu dấu trên các cấu kiện của bộ khung tầng lầu thì muộn nhất vào thế kỷ XVII, gác chuông - tam quan chùa đã tồn tại. Cùng với đó tạo nên một kiến trúc tổng thể khép kín, thuật ngữ chuyên môn gọi là *nội công, ngoại quốc* - phần lõi/cốt của ngôi chùa Đậu hiện nay.

Các đề tài chạm khắc trang trí.

+ Tượng tròn

Ấn tượng hơn cả là ba pho tượng Tam thế bài trí trên thượng điện trong am Trường Thọ. Ngay trước am (chùa nhỏ) đặt tấm bia tứ diện có niên đại 1641, cho phép đoán định niên đại pho tượng gần với niên đại tấm bia trên. Thậm chí cấu trúc và hoa văn chạm khắc trên bề tượng mang đến cảm nhận của những pho tượng có phong cách thời Mạc, vào cuối thế kỷ XVI. Đó là sự bình dị, mộc mạc thường gặp trên những pho tượng của thời này (*Hình 3: 1*).

Vào nửa cuối thế kỷ XVII, tiêu biểu và đặc biệt là hai pho tượng - nhục thân của thiền sư Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường. Với những giá trị nổi bật về lịch sử văn hóa, đặc biệt có giá trị trong việc nghiên cứu khoa học về việc tu luyện, thiền định cũng như kỹ thuật “ướp xác” của hai nhà sư sau khi viên tịch, đã được công nhận là Bảo vật Quốc gia¹. Nếu so sánh

¹ Đặc biệt, trong chùa có hai pho tượng là nhục thân của hai vị thiền sư Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường đã trụ trì chùa vào khoảng thế kỷ XVII. Kiểm tra X-quang cho biết, toàn thân hai vị thiền sư không có vết đục đẽo,

tượng hai vị thiền sư với những pho tượng tổ của chùa cũng như những pho tượng tổ của các chùa khác cùng thời, chúng ta có thể cảm nhận được tính hiện thực cao của hai pho tượng tổ trên (Hình 3: 2).

+ Phù điêu

Mặt trời, với những đao lửa có đầu sắc nhọn tỏa sáng hai bên với những đặc trưng mà phần lớn các nhà nghiên cứu dựa vào để đoán định niên đại cho những tấm bia cùng giai đoạn hoặc mang những phong cách trên. Đặc điểm này biểu hiện rõ trên trán bia trang trí đôi rồng châu mặt trời, hoa dây có niên đại năm 1639 (Hình 3: 3-5).

Rồng, có bố cục đăng đối châu vào mặt trời trên trán bia. Ngoài niên đại thì dạng thức đao lửa trên thân rồng cùng đuôi rồng cho phép đoán định niên đại của di vật cũng như phong cách mỹ thuật của những con rồng thuộc hay mang phong cách giai đoạn nào. Hình rồng trên những tấm bia ở đây, giai đoạn đầu thế kỷ XVII thường có đuôi thẳng (Hình 3: 2). Phải sang cuối thế kỷ XVIII sẽ gặp những hình rồng có đuôi cuộn xoáy lại, như trên trán bia Hậu Phật có niên đại năm 1751 (Hình 3: 7).

Phượng, thường là một cặp bố cục đăng đối trong tư thế chuyển động hướng vào trung tâm - mặt trời (Hình 3: 3).

Kỳ lân, có tạo hình khá sinh động. Cơ bản chúng có bố cục giống như rồng, phượng theo từng cặp đăng đối. Khác với tư thế của rồng, phượng, có cặp kỳ lân trong thế đăng đối trên trán bia, chuyển động ngược chiều nhau sang hai bên sau đó ngoái đầu trở lại phía trung tâm mặt trời (Hình 3: 6).

Hoa sen (bông sen nở), những cánh sen chính giữa bia thể hiện cân, thẳng rồi tỏa nghiêng sang hai bên (cánh sen dẹo). Trên những di vật đồng đại như những nhang án lưu giữ tại chùa Bút Tháp, chùa Thầy cũng thường được thể hiện theo cách thức trên (Hình 3: 6).

Hoa bảo tiên, thảo đường (Trần Hậu Yên Thế, Trần Trung Hiếu, 2018)², thân dây hoa thường được chạm khắc theo nhịp hình sin trang trí thành diềm bia phía trên và hai cạnh bên của thân bia, xen kẽ vào các nhịp xuống có thể là những bông hoa mãn khai, những nụ hoa cũng có thể có đôi chim đậu trên cành hoa trong tư thế đối xứng châu vào chính giữa, phía trên một trán bia (Hình 3: 7).

Chữ Vạn, một trong những biểu tượng về sự giác ngộ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Kiểu chữ này còn được trang trí phổ biến trên và trong không gian những công trình tâm linh. Trên diềm những đao sắc phong vào nửa cuối thế kỷ XVII trở về sau cũng thường sử dụng loại hoa văn trên để trang trí, còn được gọi là diềm “văn gấm chữ Vạn” (Hình 3: 6).

Hình thủy ba (sóng nước), được chạm trang trí diềm dưới chân bia, với những con sóng thẳng nhiều lớp (Hình 3: 5).

Kỹ thuật chạm lõng đầu rồng trên đầu dư và trên các con rường của bộ vì ở phần trên (thượng) cũng như ở nách (hạ) làm nổi khối thân hình của linh vật, những đao mác phủ khắp mảng chạm mang đến cảm giác hình rồng đang bay lượn, luồn lách ẩn hiện trên bầu trời đầy mây và sấm chớp (Hình 3: 8-9).

Việc phân tách ra từng loại hoa văn như trên chỉ dừng lại ở nhận diện mang tính trực quan rời rạc. Chắc hẳn các loại hoa văn đó được chọn lựa, bố cục trong một chỉnh thể của từng hiện vật như: bia, chuông, khánh, biển gỗ..., nhằm hàm nghĩa sâu xa hơn, cũng như ý nghĩa

không có hiện tượng rút bỏ nội tạng... Trải qua gần 400 năm tồn tại thân thể của hai ngài vẫn không hề bị hủy hoại. Tượng thiền sư Vũ Khắc Minh cao 57cm, nặng 7,5 kg, thiền sư Vũ Khắc Trường cao 75cm, nặng 31 kg (Đệ nhất danh lam chùa Đậu. baotintuc.vn).

² Cách thể hiện các dạng thức của loại hoa này có sự gần gũi có khi nhầm lẫn sang hoa cúc, cũng có khi là hoa sen (nhiều trường hợp khó khẳng định chắc chắn).

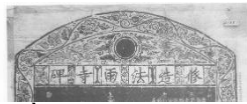
của chúng cùng tương hỗ nhau, không thể tách rời trong cả một không gian tâm linh rộng lớn. Ví như đồ án đôi rồng, đôi phượng, đôi lân... thường châu vào mặt trời với những tia lửa rực sáng tỏa ra hai bên, hay rồng thường đi với mây tạo thành đề tài *long vân khánh hội* là một trong nhiều đồ án điển hình, phổ biến trong trang trí mỹ thuật cổ (Hình 3: 10). Thêm nữa, những đồ án mỹ thuật cổ thường được bố cục chính - phụ rõ ràng. Những nội dung chủ đề chính thường được đặt vào vị trí trung tâm và làm nổi bật, trong khi những nội dung phụ thường được trình bày đăng đối theo/sang hai phía, theo lối *đồng hiện* - cùng hiện lên trên một mặt phẳng, không theo tỷ lệ của luật *xa - gần* của lối diễn họa hiện đại. Cách bố cục này cũng phổ biến trên những tranh thờ cùng thời.

Một đặc điểm có thể nhận thấy tương đối rõ là dù là hoa văn hay chữ viết thì những đề tài đồ án giai đoạn này đều được khắc sâu, sắc nét, mạch lạc rõ ràng, nó khác hẳn với thời Mạc cũng như nửa đầu thế kỷ XVII, đường nét nông, và có phần thô ráp.

Hình 3. Hình ảnh chạm khắc cùng hoa văn trên các di vật lưu giữ tại chùa Đậu



1. Tượng tam thế



2. Rồng trang trí trên trán bia. Niên đại 1639.



3. Phượng trang trí trên trán bia. Niên đại 1639.



4. Tượng thiên sư Vũ Khắc Minh.
Nguồn: Trần Mỹ Hiền, 2019



5. Mặt trời, chim, hoa, sóng nước trang trí trên trán bia, sóng nước. Niên đại 1655.



6. Kỳ lân, chữ Vạn, cánh sen trang trí trên trán bia. Niên đại 1656.

Nguồn: Tác giả

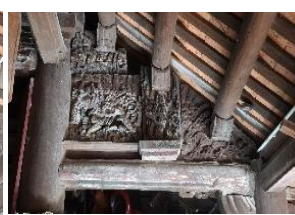
Nguồn: Tổng tập thạc bản văn khắc Hán Nôm: 847,860,850



7. Rồng và hoa bảo tiên trang trí trên bia. Niên đại 1751.



8. Chạm khắc trên bộ vì tiền đường.



9. Chạm khắc trên nách bộ vì tiền đường.



10. Chạm khắc trên biển gỗ treo tại tiền đường. Niên đại 1698.

Nguồn: Tác giả

2.4. Thời Tây Sơn (cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX)

Di vật còn lại duy nhất của thời này là quả chuông có niên đại Cảnh Thịnh cửu niên (1801) (có thể bao gồm bộ vì và đầu dư trên gác chuông chùa (Hình 4: 1,2,3). Tên chuông đề 4 chữ *Pháp Vũ điện chung* - chuông điện Pháp Vũ. Dựa vào tạo hình cũng như đề tài trang trí tứ linh (long, lân, quy, phượng) cho thấy quả chuông này là sự kế thừa những đặc điểm về tạo hình và đề tài trang trí của những quả chuông có niên đại từ niên hiệu Cảnh Hưng thời Lê Trung hưng về sau.

Những ngôi chùa được làm dưới thời Tây Sơn còn lại có thể tham chiếu đó là chùa Tây Phương và chùa Kim Liên. Tuy nhiên, mặt bằng của hai ngôi chùa trên mang đặc điểm khác hẳn với mặt bằng của ngôi chùa Đậu hiện nay. Đó là kết cấu chùa chính kiểu chữ “Tam” gồm 3 nếp nhà song song, trong khi kết cấu chùa Đậu dạng chữ “Công”. Có thể đây là cơ sở cho thấy dấu ấn di vật cùng mỹ thuật thời Tây Sơn tại chùa Đậu dường như rất mờ nhạt.

Hình 4. Một số di vật niên đại và phong cách thời Tây Sơn



1. Chuông niên đại 1801



2. Bộ vì gác chuông



3. Đầu dư trên bộ vì gác chuông

Nguồn: Tác giả

2.5. Thời Nguyễn (thế kỷ XIX-XX)

Những di vật có niên đại thời Nguyễn tập trung chủ yếu bao gồm các pho tượng “thập bát La Hán” thuộc hai dãy hành lang của chùa, quả chuông treo tại dãy nhà tổ cùng một số pho tượng trên thượng điện của Trường Thọ am (chùa nhỏ, ngoại trừ 03 pho tam thể), và một số hoành biểu có niên đại tuyệt đối như thời Bảo Đại vào cuối thế kỷ XX (Hình 4). Mỹ thuật thời Nguyễn có thể chia thành hai giai đoạn. Giai đoạn đầu trùng với khoảng niên hiệu Gia Long (1802-1819). Giai đoạn thứ hai từ niên hiệu Minh Mạng (1820-1840) đến hết niên hiệu Bảo Đại (1926-1945). Khi nghiên cứu sắc phong có thể nhận thấy, hoa văn trên những đạo sắc phong có niên hiệu Gia Long là sự kế thừa những đặc điểm có trên những đạo sắc thời Lê Cảnh Hưng vào cuối thế kỷ XVIII. Hoa văn trên những đạo sắc từ niên hiệu Minh Mạng về sau cơ bản khá thống nhất về hình họa và màu sắc biểu hiện, tạo nên dấu ấn mỹ thuật thời Nguyễn (Nguyễn Doãn Minh, 2018). Tuy nhiên, vào giai đoạn này có thể phân tách thành hai đặc điểm mỹ thuật đó là mỹ thuật cung đình và mỹ thuật dân gian. Đặc điểm thứ nhất thường tập trung vào không gian kiến trúc cổ đô Huế, cùng những di vật mang tính chất ngự dụng, quan phương được sản xuất dành cho các tầng lớp vua quan triều Nguyễn, thuộc thế kỷ XIX. Đặc điểm thứ hai thường xuất hiện trong những không gian tín ngưỡng tôn giáo ở các làng xã tập trung ở các tỉnh phía Bắc, thường có niên đại vào đầu thế kỷ XX. Những hiện vật thời Nguyễn ở chùa Đậu có niên đại thuộc về đặc điểm mỹ thuật thứ hai và mang tính dân gian.

Hình 5. Một số di vật có niên đại thời Nguyễn



1. Chuông có niên đại 1890



2



3



4

2, 3, 4. Một số hoành biểu bài trí trên Thượng điện của Trường Thọ am, niên hiệu Bảo Đại.

Nguồn: Tác giả, 2024

2.6. Thời đại Hồ Chí Minh (cuối thế kỷ XX đến nay)

Những di vật như pho tượng Thích Ca niêm hoa (niêm hoa vi tiếu) cùng hai pho tượng

Văn Thù, Phổ Hiền tuy được tạc vào khoảng những năm 2010, nhưng mẫu tượng được chọn lựa và hình khối, đường nét thể hiện thần thái khá đẹp (*Hình 11*).

Hệ thống gạch bó nền xung quanh khu tam bảo, được phục dựng theo những viên gạch mang phong cách gạch thời Mạc thế kỷ XVI, cùng những cột rồng - long trụ, hình rồng cuốn quanh thân cột mới được tu bổ vào khoảng chục năm trở lại đây. Bố cục và tạo hình là sự kế thừa từ những hình rồng mang phong cách nửa cuối thế kỷ XVII như chạm khắc trên bộ vì nhà tiền đường đã diễn tả. Tuy nhiên, kỹ thuật thể hiện chưa thể chuyển tải được hết tinh thần của những hình rồng của các vào thời đại đó.

3. Kết luận

Ngôi chùa Đậu với nhiều cách gọi khác nhau là Pháp Vũ tự, Thành Đạo tự, Pháp Vũ điện có lịch sử hình thành phát triển từ lâu đời. Trải qua các triều đại cho đến ngày nay, tại ngôi chùa còn lưu giữ được một hệ thống di vật quý giá về chất liệu, tạo hình, đẹp về hình thức thể hiện. Chúng góp phần phản ánh về những giá trị lịch sử, văn hóa và mỹ thuật của các triều đại, mà ngôi chùa là một trong những chứng tích đã dung chứa được. Dưới góc độ mỹ thuật, từ những di vật lưu giữ tại chùa qua nghiên cứu so sánh với các di vật đồng đại tại các di tích khác, bài viết đã đề cập đến đặc điểm mỹ thuật cơ bản của ngôi chùa Đậu, bao gồm cấu trúc mặt bằng, kết cấu bộ vì, về đề tài, cách thể hiện cùng kỹ thuật chạm khắc, trang trí dưới các thời Trần (thế kỷ XIII-XIV), thời Mạc (thế kỷ XVI), thời Lê Trung hưng (thế kỷ XVII-XVIII), thời Tây Sơn (đầu thế kỷ XIX), thời Nguyễn (thế kỷ XIX-XX) và thời đại Hồ Chí Minh. Những nét phác họa về mỹ thuật trên mới dừng lại ở mức độ sơ khai, cơ bản, thậm chí vẫn còn có những nhận thức chưa thực sự đầy đủ, rất cần đầu tư nghiên cứu tiếp, để có được những nhận định đánh giá chuyên sâu về mỹ thuật hơn nữa, nhằm góp phần làm nổi bật những giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học mà ngôi chùa Đậu hàm chứa.

Tài liệu tham khảo

- Đại Việt sử ký toàn thư* (bản dịch). (1993). Nxb. Khoa học xã hội.
- Đinh Khắc Thuần. (1981). *Tư liệu dịch lưu tại chùa*.
- Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Phạm Ngọc Long. (2008). *Chùa Việt Nam*. Nxb. Thế giới.
- Nguyễn Doãn Minh. (2018). Về nghệ thuật trang trí trên sắc phong triều Nguyễn. *Tạp chí Di sản văn hóa*. Số 3.
- Nguyễn Doãn Minh. (2022). Nhận thức thêm về phong cách hình rồng thời Mạc - thế kỷ XVI. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*. Số 11.
- Nguyễn Ngọc Chất. (2008). Chùa Đậu - Một di sản văn hóa quý giá của Dân tộc. <http://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3096/3976/chua-duau-mot-di-san-vanhua-quy-gia-cua-dan-toc.html>
- Nguyễn Thuý Anh. (2024). Hai thiền sư chùa Đậu: Đạo Chân và Đạo Tâm. <https://tapchinhienlucuphathoc.vn/hai-thien-su-chua-dau-dao-chan-va-dao-tam.html>.
- Trần Hậu Yên Thế, Trần Trung Hiếu. (2018). *Nét Việt trên bia Tiền sử Văn Miếu - Quốc Tử Giám*. Nxb. Mỹ thuật.
- Trần Mỹ Hiền. (2/4/2019). Thêm một lí giải về nhục thân của thiền sư chùa Đậu. <https://cand.com.vn/Kinh-te-Van-hoa-The-Thao/Them-ly-giai-ve-nhuc-than-cua-thien-su-chua-Dau-i515980/>
- Trần Lâm Biền. (2003). *Đồ thờ trong di tích của người Việt*. Nxb. Văn hóa Thông tin.
- Trần Lâm Biền. (2020). *Văn hóa nghệ thuật chùa Việt - vài nét cơ bản*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trung Nguyên. (2021). Đệ nhất danh lam chùa Đậu. <https://baotintuc.vn/anh-360/de-nhat-danh-lam-chua-dau-20210423010149051.htm>